TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày: 25/05/2018
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: *Ông Ngô Minh Cường*

Các Hội thẩm nhân dân: *1. Ông Nguyễn Hữu Đệ*

2. Bà Hoàng Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: *Ông Thịnh Quang Thắng – Thư ký Toà án.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25/ 05/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2017/TLST - KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST - KDTM ngày 27/04/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST– KDTM ngày 15/05/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D (sau đây gọi tắt là Ngân hàng G); Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109, đường T, quân H, Hà Nội do ông Phạm Huy T – Tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng: Bà Nguyễn Thị H- Phó giám đốc Phòng giao dịch G; Bà Nguyễn Thị T1 – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng G.

2. Bị đơn: Anh Đoàn Văn D, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979 đều trú tại: Thôn N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1946 (mẹ đẻ anh D).

3.2. Chị Đoàn Thị S, sinh năm 1975 (chị gái anh D).

3.3. Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1967 (anh trai anh D).

3.4. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 (vợ anh L).

3.5. Cháu Đoàn Thùy L1, sinh năm 2001 (con anh D, chị V).

3.6. Cháu Đoàn Quỳnh T3, sinh năm 2002 (con anh D, chị V).

3.7. Cháu Đoàn Thị Trà, sinh năm 2004 (con anh D, chị V).

3.8. Cháu Đoàn Cẩm L3, sinh năm 2008 (con anh D, chị V).

Đại diện hợp pháp cho cháu Linh, cháu Thư, cháu Trà, cháu Ly là: Vợ chồng anh Đoàn Văn D, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1979 đều trú tại: Thôn N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội

Có mặt: Bà Huệ.

Vắng mặt: bà B, chị S, anh L và chị N (đều có đơn xin vắng mặt); anh D, chị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày**: Ngày 27/01/2015, Ông Đoàn Văn D và vợ là Nguyễn Thị V đã ký Hợp đồng tín dụng số: 0041/2015/TLD/HĐTD với Ngân hàng TMTNHH MTV D – PGD G, nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 400.000.000 đồng; Thời hạn vay: 12 tháng , từ ngày 27/1/2015 đến ngày 27/1/2016; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất vay: 11.5%/năm, Lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Hình thức trả nợ: Trả nợ gốc vào ngày 27/1/2016; Trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ông Đoàn Văn D đã nhận: 400.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ với Ngân hàng G.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Đoàn Văn D đã thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất hiện nay tại thửa đất số 13(1), tờ bản đồ số 28, diện tích 270 m^2, tại Thôn N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sở hữu của ông Đoàn Văn D (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 519323, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3140.QĐ.YBND.2013/ CH.00165.2013 do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/10/2013. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.

Khi khoản vay đến hạn trả nợ, ông Đoàn Văn D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã yêu cầu ông Đoàn Văn D đến làm việc để thanh toán khoản nợ, nhưng anh D và chị V đã nhiều lần đưa ra cam kết thanh toán nợ nhưng không thực hiện được nghĩa vụ.

Nay quan điểm của Ngân hàng yêu cầu ông Đoàn Văn D, bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng G toàn bộ số tiền tính đến ngày 11/5/2018 vợ chồng anh D, chị V còn nợ Ngân hàng 629.072.241đồng, trong đó: Nợ gốc: 400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 46.638.889 đồng, Nợ lãi quá hạn: 160.041.669 đồng, Nợ lãi phạt quá hạn: 22.389.409 đồng

Trường hợp ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng G có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* **Bị đơn anh Đoàn Văn D khai**: Ngày 27/1/2015, vợ chồng anh ký Hợp đồng tín dụng số 0041/2015/TLD/HĐTD vay tại Ngân hàng TM TNHH MTV D – PGD G số tiền 400.000.000đ; mục đích vay để làm ăn, kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền tại thửa đất số 13(1), tờ bản đồ số 28, diện tích 270 m^2, tại Thôn N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Nay anh xác định có vay và còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi như thông báo của Tòa án, anh xin trả trong vòng 6 tháng mỗi thánh 1.500.000đ và tất toán toàn bộ vào tháng cuối cùng. Nếu vợ chồng anh vi phạm Ngân hàng có quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

* Chị Nguyễn Thị V là bị đơn không hợp tác với Tòa án nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị V.

* Bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh D, hiện nay bà đang sinh sống, ăn ở với vợ chồng anh D tại nhà đất mà anh D đã thế chấp cho Ngân hàng. Thửa đất thế chấp nguồn gốc của vợ chồng bà sang tên tặng cho anh D, việc vợ chồng anh D vay vốn Ngân hàng để làm ăn bà không có ý kiến gì, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện về thời gian để cho vợ chồng anh D làm ăn trả nợ.

* Chị Đoàn Thị S trình bày: Chị là chị gái anh D, chị đã đi lấy chồng nhưng năm 2014 có trục trặc về chuyện gia đình nên chị về ở nhờ tại thửa đất vợ chồng anh D thế chấp cho Ngân hàng. Về việc vợ chồng anh D vay tiền Ngân hàng để làm ăn chị không được biết, nay chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng anh D trả nợ dần.

* Anh Đoàn Văn L trình bày: Thửa đất của anh sử dụng liền kề với thửa đất của vợ chồng anh D, hai thửa đất này do bố mẹ tách cho hai anh em năm 2013. Hiện nay trên thửa đất của anh D có một gian chuồng lợn, bể cũ và nhà vệ sinh, trên đất của anh có nhà cấp bốn anh D đang ở, các tài sản này đều có trước khi bố mẹ tách đất cho hai anh em, nay đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

* Chị Nguyễn Thị N là vợ anh L nhất trí với ý kiến của anh L.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng G vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ông Đoàn Văn D, bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng G toàn bộ số tiền tính đến ngày 11/5/2018 vợ chồng anh D, chị V còn nợ Ngân hàng 629.072.241đồng, trong đó: Nợ gốc: 400.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 46.638.889 đồng, Nợ lãi quá hạn: 160.041.669 đồng, Nợ lãi phạt quá hạn: 22.389.409 đồng

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bác yêu cầu đòi nợ lãi phạt quá hạn: 22.389.409 đồng của Ngân hàng G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo hồ sơ pháp nhân của GP bank, giấy chứng nhận đang ký kinh doanh của hộ gia đình anh Đoàn Văn D; mục đích của việc vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng hai bên ký. Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là : "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Đoàn Văn D và bà Nguyễn Thị V đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng; Chị S, bà B, anh L và chị N trong quá trình giải quyết vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.2] Theo hợp đồng tín dụng số 0041/2015/TLD/HĐTD và văn bản thỏa thuận các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng ký kết ngày 27/01/2015 giữa bên cho vay là Ngân hàng G và bên vay là ông anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V có nội dung như sau: Số tiền vay 400.000.000đ; Mục đích bổ sung vốn kinh doanh; Thời hạn 12 tháng kể từ ngày bên vay rút vốn đầu tiên; Lãi suất trong hạn 11,5%/năm, điều chỉnh 01lần/tháng; Lãi suất quá hạn = 150/% trong hạn; Trả nợ gốc vào ngày 27/01/2016; Trả lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng G đã giải ngân cho bên vay số tiền gốc trên (theo khế ước nhận nợ số 0041/2015/TLD/KUNN01 ngày 27/01/2015). Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Đến nay bên vay chưa trả số tiền nợ gốc cho Ngân hàng G; toàn bộ số tiền nợ gốc 400.000.000đ đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 27/01/2016, do vậy cần buộc bên vay phải trả số nợ gốc trên cho Ngân hàng G.

[3.2] Về lãi suất: Tính đến ngày 11/05/2018 số tiền lãi Ngân hàng G yêu cầu bên vay còn phải trả là 229.072.241 đồng (lãi trong hạn: 46.638.889đ; lãi quá hạn: 160.041.669; lãi phạt quá hạn: 22.389.409 đồng).

Tại văn bản thỏa thuận các điều khoản chung của hợp đồng tín dụng các bên ký kết ngày 27/01/2015 quy định: "Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng".

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng*". Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước thì lãi suất cơ bản áp dụng từ ngày 01/12/2010 là 9%/năm. Theo hướng dẫn cách tính lãi suất quy định tại điểm b mục 4 phần I Thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính thì mức lãi suất trong hạn không được quá 22,5%/năm, lãi suất quá hạn không được quá 31,5%/ năm. Đối chiếu với sao kê tính lãi và các Quyết định ban hành biểu lãi suất cho vay của Ngân hàng G cung cấp thì lãi suất trong hạn được tính 11,5%/năm; lãi suất quá hạn được tính 17,25%/năm. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng thì lãi suất điều chỉnh mỗi tháng một lần nhưng lãi suất trong hạn và quá hạn như đã nêu ở trên vẫn nằm trong biên độ nên Ngân hàng không điều chỉnh lại. Xét thấy mức lãi suất trong hạn và quá hạn Ngân hàng tính đã phù hợp với các quy định trên nên không cần phải tính lại.

Đối với khoản lãi phạt quá hạn Ngân hàng G yêu cầu đối với anh D và chị V phải trả là 22.389.409 đồng thực chất là khoản lãi chồng lãi nên không được chấp nhận.

[4] Về tài sản đảm bảo: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng trên anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V đã thế chấp cho Ngân hàng G quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13(1), tờ bản đồ số 28, diện tích 270 m^2, tại Thôn N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 519323, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3140.QĐ.YBND.2013/ CH.00165.2013 do UBND huyện Đ, thành phố Hà Nội cấp cho anh Đoàn Văn D ngày 23/10/2013).

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Trong trường hợp này bên vay đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ do đó cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng G.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng G được chấp nhận nên anh D và chị V phải nộp tiền án phí có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước; Ngân hàng G phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận; hoàn trả lại cho Ngân hàng G số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại.

[6] Về quyền kháng cáo: Các dương sự đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: *các Điều 342, 343, 351, 355, 471, 474, 476, của Bộ luật dân sự 2005; điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163; Thông tư liên tịch số 01-TT/LT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính.*

1. Chấp nhận một phầnyêu cầu khởi kiện của Ngân hàng G đối với anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V; Buộc anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng G tổng số tiền tính đến ngày 11/05/2018 là: 606.680.558 đồng (gốc: 400.000.000đ; lãi trong hạn: 46.638.889đ; lãi quá hạn: 160.041.669).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng G đối với anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V về khoản lãi phạt quá hạn 22.389.409 đồng.

3. Kể từ ngày 12/05/2018, hàng tháng anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0041/2015/TLD/HĐTD đã ký với Ngân hàng G ngày 27/01/2015.

4. Trong trường hợp anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng G có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 13(1), tờ bản đồ số 28, diện tích 270 m^2, tại Thôn N, xã X, huyện Đ, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 519323, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3140.QĐ.YBND.2013/ CH.00165.2013 do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp cho anh Đoàn Văn D ngày 23/10/2013) để thu hồi nợ.

5. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Buộc anh Đoàn Văn D và chị Nguyễn Thị V phải nộp 28.260.000đ để sung ngân sách Nhà nước; Ngân hàng G phải nộp 3.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.460.000đ tại biên lai thu số AA/2016/0001068 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Anh. Hoàn trả lại cho Ngân hàng G 10.460.000đ theo biên lai thu trên.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Ngô Minh Cường

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H. Đông Anh.*
- *TAND TP. Hà Nội.*
- *THA huyện Đông Anh.*
- *Lưu hồ sơ vụ án*